

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÔNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:06/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 26 - 4 - 2021  
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tâm

**Các Hội thẩm nhân dân:** bà Lê Thị Nga, bà Trương Thị Lệ Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Nga – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Thanh Niêm – Kiểm sát viên

Vào ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường Y, tổ dân phố S, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

**\* Bị đơn:** Anh Trần Văn N, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Y, tổ dân phố S, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2021 cũng như trong quá trình tham gia tố tụng tại toà án, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:*

Chị và anh Trần Văn N chung sống trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức hôn lễ và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào

năm 2001. Quá trình chung sống, thời gian đầu còn êm ả, hạnh phúc. Thời gian sau, do tính cách và lối sống của cả hai khác nhau nên anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N ham mê cờ bạc không quan tâm gia đình, thường xuyên uống rượu say xỉn về gây sự vô cớ, chửi bới, đánh đập chị thậm tệ nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị và anh đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2017 cho đến nay, khoảng mấy tháng đầu anh chị còn liên lạc nhưng sau đó không liên lạc và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã không còn sống chung hơn 3 năm nay, không còn quan tâm cũng như không còn tình cảm với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được sớm ly hôn với anh N để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Quý Diệu Th, sinh ngày 04/7/2001 và cháu Trần Quý Diệu Tr, sinh ngày 02/3/2010. Cháu Th đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Tr, cháu đang ở cùng anh N tại địa chỉ: đường Y, tổ dân phố S, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, nếu cháu muốn ở với anh N thì chị đồng ý giao cho anh N nuôi còn nếu cháu muốn ở với chị thì chị sẽ nuôi cháu đến khi cháu trưởng thành. Sau đó chị T có đơn yêu cầu và trình bày có nguyện vọng giao cháu Tr cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện chị đang ở nhờ nên không có khả năng lo cho cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2021, bị đơn là anh Trần Văn N trình bày:* Anh và chị chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn như chị T đã trình bày. Vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống, chị T làm gì cũng không bàn bạc với anh, thỉnh thoảng anh có uống rượu và mỗi lần uống rượu xong thì anh như một con người khác không làm chủ được bản thân và không nhớ những gì mình đã làm. Chị T tính ngang không nghe lời khuyên của chồng, trước đây mỗi lần anh chị xảy ra xô sát anh có đánh chị nhưng chị thường xuyên bỏ nhà đi, tính đến nay đã hơn 10 lần bỏ nhà đi. Đến ngày 28/12/2019 âm lịch (tức 22/01/2020 dương lịch), chị T bỏ nhà đi và vợ chồng anh đã sống ly thân đến nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh chưa nói chuyện với chị T, anh gặp chị T để nói chuyện xong thì anh mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Trần Quý Diệu Th, sinh ngày 04/7/2001 và cháu Trần Quý Diệu Tr, sinh ngày 02/3/2010. Trường hợp nếu phải ly hôn thì cháu Tr muốn ở với ai thì anh để cháu ở với người đó. Cháu Th đã trên 18 tuổi và khoẻ mạnh nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 21/01/2021, cháu Trần Quý Diệu Tr – con đẻ của anh Trần Văn N và chị Phạm Thị T – trình bày:* Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn ở với bố.

Sau đó, Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Chị Phạm Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt và xin xét xử vắng mặt.

*Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy:* Anh Trần Văn N và chị Phạm Thị T đến làm nhà và sinh sống tại địa chỉ: đường Y, tổ dân phố S, thị trấn M, huyện K cách đây khoảng 3 năm. Anh chị đã sống ly thân, hiện nay chỉ có anh N ở tại địa phương còn chị T đi đâu, làm gì không báo nên chính quyền địa phương không rõ. Anh chị có hai con chung và các cháu hiện đang ở cùng anh N tại địa chỉ trên. Cháu Tr đang còn đi học và được anh N đảm bảo tốt về điều kiện ăn học, chăm sóc. Cháu Th đã lập gia đình riêng và có công việc mang lại thu nhập, tự lo được cuộc sống của mình.

Ngày 07/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã mở phiên tòa xét xử vụ án trên, do bị đơn anh Trần Văn N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

- Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do dù đã được triệu tập họp lệ. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã được đảm bảo đầy đủ các quyền

và lời ích hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình*

*Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Quý Diệu Tr cho anh Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết “ly hôn và tranh chấp về con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Không Bông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện K vào năm 2001 đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị có hai con chung là cháu Trần Quý Diệu Th, sinh ngày 04/7/2001 và cháu Trần Quý Diệu Tr, sinh ngày 02/3/2010 (chị T khai cháu Trần Quý Diệu Tr, sinh ngày 16/01/2010, sau đó chị T đính chính lại cháu Tr sinh ngày 02/3/2010 là phù hợp với giấy khai sinh của

cháu Tr mà chị cung cấp cho Tòa án, nên xác định ngày sinh của cháu Trần Quý Diệu Tr là ngày 02/3/2010).

Chị T cho rằng quá trình chung sống, anh N ham mê cờ bạc, rượu chè không quan tâm gia đình, về còn gây sự vô cớ mắng chửi, đánh đập chị. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn với anh N.

Về phía anh N, anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và cho rằng nguyên nhân do chị T ngang tính không nghe lời khuyên của anh, anh uống rượu vào thì sẽ như một con người khác, và mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn thì anh có đánh vợ. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì chưa nói chuyện với chị T, nói chuyện xong anh mới đồng ý ly hôn.

Xét thấy chị T đã không còn tình cảm với anh N, hai bên tuy không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn, về thời gian sống ly thân nhưng đều thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng, anh N có đánh chị T và anh chị đã sống ly thân nhau cho đến nay (chị T cho rằng ly thân từ năm 2017, anh N cho rằng từ tháng 12/2019 âm lịch, qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy khoảng năm 2018 - 2019 thì chị T đã đi khỏi địa phương). Mặt khác, Tòa án đã triệu tập nhiều lần và tiến hành hòa giải để các bên hàn gắn, quay về đoàn tụ nhưng anh N cố tình vắng mặt không có lý do, không có thiện chí hàn gắn, vì vậy anh không đồng ý ly hôn với lý do chưa nói chuyện với chị T là không thỏa đáng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể miễn cưỡng, ép buộc chung sống mà phải xuất phát từ sự tự nguyện của hai phía, anh chị đã sống ly thân và không thể hòa giải quay về đoàn tụ, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: cháu Trần Quý Diệu Th, sinh ngày 04/7/2001 đã trên 18 tuổi, cháu khỏe mạnh, các bên không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Trần Quý Diệu Tr, sinh ngày 02/3/2010: xét thấy hiện cháu đang ở với anh N, được anh N nuôi nấng ăn học, chăm sóc kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay. Cháu cũng đã lớn, tự lo được những sinh hoạt tối thiểu của

bản thân và được anh N đảm bảo tốt các điều kiện về giáo dục, chăm sóc cũng như nơi ăn chốn ở. Mặt khác, chị T và anh N đều nhất trí nếu cháu muốn ở với ai sẽ giao cho người đó, cháu Tr có nguyện vọng được ở với anh N. Sau đó, chị T có đơn yêu cầu đề nghị giao cháu Tr cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng vì anh N nhà ở, cháu Tr đang theo học tại trường tiểu học gần nhà, còn chị T đang đi làm thuê và ở nhờ nhà chủ tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên không có khả năng lo cho cháu. Cháu Tr có nguyện vọng muốn ở với bố. Xét thấy, việc giao cháu Tr cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt nhất cho cháu, phù hợp với nguyện vọng của cháu và của các bên cũng như phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con cũng như tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên cần chấp nhận.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình*

*Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Giao cháu Trần Quý Diệu Tr, sinh ngày 02/3/2010 cho anh Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

*Anh Trần Văn N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị*

*Phạm Thị T thực hiện các quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.*

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2019/0006846 ngày 13/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Các ĐS;
- THADS huyện K;
- UBND thị trấn M;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

***Nguyễn Thị Tâm***